

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư là: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH – Công ty Điện lực Chợ Lớn; Địa chỉ: 1A Thuận Kiều, phường Chợ Lớn, TP.HCM; Điện thoại: 028 2222 0567.
E-ĐKC 1.7	Công trình bao gồm: - Tên công trình: Tăng cường lộ ra hạ thế ngầm và nổi trên địa bàn quận Tân Phú năm 2025 Nguồn vốn: Khấu hao cơ bản - Địa điểm: địa bàn các phường Tây Thạnh, Tân Sơn Nhì, Phú Thọ Hòa, Hòa Thạnh, Tân Phú - TP Hồ Chí Minh; - <i>Thông tin khác: xem chi tiết tại tài liệu thiết kế BCKTKT xây dựng công trình.</i>
E-ĐKC 1.10	Công trường tại: địa bàn các phường Tây Thạnh, Tân Sơn Nhì, Phú Thọ Hòa, Hòa Thạnh, Tân Phú - TP Hồ Chí Minh;.
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: ngày tổ chức nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng và công trình không còn khiếm khuyết, tồn tại mà nhà thầu phải khắc phục (trừ các tồn tại được Hội đồng nghiệm thu ghi nhận và đồng ý khắc phục sau).
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: sau không quá 90 ngày kể từ ngày khởi công công trình (dự kiến khởi công ngày 15/10/2025).
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: sau 03 ngày kể từ ngày Bảo lãnh thực hiện hợp đồng có hiệu lực.
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: <i>theo quyết định phê duyệt KQLCNT</i>

	<ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: - Điện thoại: Email: @gmail.com - Mã số thuế:, do phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch đầu tư cấp lần thứ ngày. - Số tài khoản: , tại Ngân hàng TMCP. - Đại diện là Bà: ; Chức vụ: Giám đốc
E-ĐKC 1.29	<ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn quản lý dự án: Chủ đầu tư thực hiện quản lý dự án; - Tư vấn giám sát là: + Địa chỉ: ; + Điện thoại: Email: @gmail.com + Đại diện là: , Chức vụ: Giám đốc
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: không áp dụng
E-ĐKC 2.3(i)	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Toàn bộ tài liệu liên quan đến E-HSĐT của nhà thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT;</i> - <i>Nội dung biên bản hoàn thiện hợp đồng ;</i> - <i>Các tài liệu liên quan để hợp đồng có hiệu lực.</i> - Các văn bản, tài liệu liên quan và phụ lục điều chỉnh hợp đồng (nếu có).
E-ĐKC 5.2	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá trị hợp đồng VND (bao gồm thuế) và bên B phải thực hiện biện pháp bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ sau khi hai bên kết hợp đồng. - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến 90 ngày hoặc đến ngày công trình được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu E-HSMT. Nếu các điều khoản của bảo đảm

	<p>thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm hết hiệu lực của hợp đồng <i>[số ngày mà nhà thầu sẽ phải thực hiện gia hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng là không quá 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện của nhà thầu hết hiệu lực]</i> ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.</p>
E-ĐKC 5.4	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng:</p> <p>Bảo đảm thực hiện hợp đồng <i>hết hiệu lực (trường hợp áp dụng Chứng thư bảo lãnh) kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành hoặc Chủ đầu tư hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu không chậm hơn 30 ngày (bảo đảm thực hiện hợp đồng hình thức khác) kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành.</i></p>
E-ĐKC 8.2(d)	<p>Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 03 ngày hoặc 05 ngày tùy vào tính chất cụ thể nêu tại văn bản yêu cầu, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.</p>
E-ĐKC 8.8(a)	<p>Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường.</p>
E-ĐKC 8.11	<p>Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: không quá 05 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được phát hành hoặc có văn bản yêu cầu của bên giao thầu.</p>
E-ĐKC 9.3	<p>Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả lời dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.</p>
E-ĐKC 11.1	<p>Danh sách nhà thầu phụ: không áp dụng.</p>

E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 0% giá hợp đồng.
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: không áp dụng.
E-ĐKC 19.1	<p>Yêu cầu về bảo hiểm:</p> <p>căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu này, nhà thầu mua bảo hiểm, bao gồm cả bảo hiểm công trình phù hợp với pháp luật xây dựng đối với cả Chủ đầu tư và Nhà thầu. kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu, giá trị bảo hiểm là: 27.872.363 đồng.</p>
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình: 36 tháng, kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng công trình.
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: <i>chi tiết theo hồ sơ thiết kế của công trình (được cung cấp tại hồ sơ thiết kế của công trình).</i>
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: là ngày theo Thông báo khởi công của Chủ đầu tư.
E-ĐKC 27.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: trong vòng không quá 15 ngày, kể từ ngày có phát sinh tranh chấp.</p> <p>Giải quyết tranh chấp: <i>thông qua thương lượng trên tinh thần lợi ích hợp pháp, hài hòa của các bên.</i> Trường hợp thương lượng không thành thì một trong các bên có quyền khiếu nại đến tổ chức trọng tài kinh tế hoặc khởi kiện ra tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền giải quyết. Các bên phải có nghĩa vụ chấp hành theo phán quyết của tổ chức trọng tài hoặc Tòa án.</p>
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	<p>- Ngày khởi công: Dự kiến là ngày 15/10/2025 [<i>ngày chính thức theo Thông báo khởi công công trình</i>].</p> <p>- Ngày hoàn thành dự kiến: Dự kiến là ngày 15/01/2026 [<i>ngày chính thức theo Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng công trình</i>].</p>

E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 05 ngày, kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.
E-ĐKC 29.4	<p>- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 05 ngày [thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết theo kế hoạch].</p> <p>- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: theo quy định phạt chậm tiến độ của hợp đồng [xem mục phát hợp đồng].</p>
E-ĐKC 30.7	<p>Các trường hợp khác:</p> <p>- Nhà thầu phải có sự hợp tác trên tinh thần có trách nhiệm trong việc thương thảo khối lượng phát sinh công việc thi công mà đã được Chủ đầu tư phê duyệt đúng quy định. Giá giao thầu khối lượng phát sinh theo đơn giá trong hợp đồng, trường hợp chưa có đơn giá trong hợp đồng thì các bên thương thảo trên cơ sở phù hợp tỉ lệ đơn giá trúng thầu hoặc trường hợp các bên thương thảo không thành thì có thể áp dụng đơn giá được phê duyệt trong dự toán phát sinh và thực hiện hệ số chiết giảm (nếu có).</p> <p>- Trường hợp nhà thầu không có sự hợp tác, hoặc không tiếp nhận thực hiện khối lượng phát sinh công việc thi công mà không có lý do chính đáng thì Chủ đầu tư có thể xem xét, đánh giá nhà thầu không có thiện chí và sự hợp tác để hoàn thành công việc của gói thầu. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư có thể xem xét nhà thầu không đủ uy tín để tham gia các gói thầu về sau do Chủ đầu tư mời thầu (nếu có);</p>
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	<p>- Vật tư, máy móc, thiết bị: tên, chủng loại vật tư, máy móc, thiết bị cần yêu cầu Nhà thầu cung cấp danh sách gửi cho Chủ đầu tư trước ít nhất 03 trước khi tổ chức thi công.</p> <p>- Nhà thầu viết Nhật ký thi công điện tử (NKTCĐT), Biên bản nghiệm thu điện tử (BBNTĐT) và số hóa hồ sơ, cụ thể:</p> <p>+ Nhà thầu phải chịu trách nhiệm số hóa (scan) toàn bộ hồ trong quá trình thi công, hồ sơ nghiệm thu, hoàn công, quyết toán AB,... lưu trữ dạng file.pdf hoặc file ảnh,... bàn giao cho chủ đầu tư cùng với hồ sơ giấy ngay sau khi hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng.</p>

	<p>+ Nhà thầu phải thực hiện áp dụng ghi Nhật ký thi công điện tử (NKTCĐT), Biên bản nghiệm thu điện tử (BBNTĐT) theo quy định hiện hành và trang bị thiết bị (máy tính, thiết bị di động, đăng ký chữ ký số,...) đáp ứng điều kiện áp dụng NKTCĐT, BBNTĐT và lưu trữ NKTCĐT, BBNTĐT dạng file pdf nhận về từ hệ thống IMIS.</p>
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: <i>trọn gói.</i>
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: Cố định
E-ĐKC 42.1	<p>- Tạm ứng: <i>tối đa không quá 30% giá trị hợp đồng trước thuế.</i></p> <p>các chứng từ để tạm ứng, phương thức tạm ứng: nhà thầu có văn bản đề nghị tạm ứng sau khi hợp đồng có hiệu lực (nhà thầu đã thực hiện biện pháp bảo lãnh dự thầu và công tình đã được khởi công), việc bảo lãnh số tiền tạm ứng thực hiện theo quy định hiện hành.</p> <p>- Thời gian tạm ứng: không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị tạm ứng hợp lệ của nhà thầu</p>
E-ĐKC 44.1	<p>Phương thức thanh toán: Chuyển khoản</p> <p>- Thời hạn thanh toán không quá 14 ngày kể từ ngày Nhà thầu trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu hợp đồng.</p> <p>- Thanh toán chia làm các đợt (không bao gồm tạm ứng):</p> <p>+ Đợt 1: Thanh toán tối đa đến 90% giá trị khối lượng đã thực hiện của đợt thanh toán (bao gồm phần thu hồi tiền tạm ứng) khi nhà thầu thi công từ 40% khối lượng hợp đồng trở lên, trừ trường hợp có thỏa thuận phát sinh khác;</p> <p>+ Đợt 2: Thanh toán tối đa đến 90% giá trị khối lượng hoàn thành của đợt thanh toán (bao gồm phần thu hồi tiền tạm ứng) khi nhà thầu thi công từ 60% khối lượng hợp đồng trở lên;</p>

	<p>+ Đợt 3: Thanh toán tối đa đến 90% giá trị khối lượng hoàn thành của đợt thanh toán (bao gồm phần thu hồi tiền tạm ứng) khi nhà thầu thi công từ 80% khối lượng hợp đồng trở lên;</p> <p>Lưu ý: trong trường hợp nhà thầu thi công hoàn thành khối lượng của hợp đồng vượt tiến độ (chưa vượt $\leq 50\%$ thời gian thực hiện hợp đồng), thì số đợt thanh toán có thể thay đổi tùy thuộc vào sự thống nhất giữa chủ đầu tư và nhà thầu phù hợp điều kiện thực tế của công trình.</p> <p>+ Quyết toán: Thanh toán tối đa đến 100% giá trị khối lượng của hợp đồng sau khi Chủ đầu tư có quyết định phê duyệt quyết toán công trình và nhà thầu đã nộp biện pháp bảo lãnh bảo hành bằng 5% giá trị hợp đồng và có hiệu lực không nhỏ hơn 36 tháng, kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng công trình;</p>
<p>E-ĐKC 44.2</p>	<p>Hồ sơ thanh toán, quyết toán</p> <p>- Hồ sơ thanh toán (đợt):</p> <p>+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu; biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành giai đoạn công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng mà không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết;</p> <p>+ Bảng tính giá trị nội dung của các công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;</p> <p>+ Đề nghị thanh toán của bên nhận thầu cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo giai đoạn của hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn (đợt) sau khi đã bù trừ các Khoản tạm ứng, có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu.</p> <p>- Hồ sơ quyết toán công trình:</p> <p>Bảng xác nhận khối lượng hoàn thành toàn bộ công trình; Bảng tổng hợp chi tiết giá trị quyết toán A-B; Báo cáo giám sát chất</p>

	<p>lượng thi công của nhà thầu tư vấn giám sát, nhà thầu TVTK (giám sát tác giả); Báo cáo hoàn thành công trình và chất lượng thi công của nhà thầu thi công; Hồ sơ hoàn công toàn bộ công trình do nhà thầu thi công lập (nội dung và số lượng hồ sơ hoàn công thực hiện theo quy định của pháp luật xây dựng về quản lý chất lượng công trình xây dựng; Thực hiện biện pháp bảo lãnh bảo hành công trình theo quy định hợp đồng; Hóa đơn, chứng từ thanh toán hợp lệ; Văn bản đề nghị thanh toán; các hồ sơ có liên quan thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại thời điểm thanh toán.</p>
E-ĐKC 45	<p>Điều chỉnh thuế: được phép</p> <p>“trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng”.</p>
E-ĐKC 46.1	<p>Phân tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là:</p> <p>Sau khi khấu trừ tiền tạm ứng (nếu có) tương ứng của mỗi đợt thanh toán. số tiền giữ lại là 10% của mỗi đợt thanh toán (thanh toán 90% giá trị mỗi đợt thanh toán).</p>
E-ĐKC 47.1(d)	<p>Trường hợp sửa đổi hợp đồng: các trường hợp được sửa đổi/điều chỉnh hợp đồng phải được hai bên ký phụ lục gắn với quyền và nghĩa vụ của các bên có liên quan đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.</p>
E-ĐKC 47.7	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu: không áp dụng.</p>
E-ĐKC 49.1	<p>Mức phạt: phạt về chất lượng thi công, tiến độ thực hiện hợp đồng và công tác quản lý chất lượng công trình. Tổng giá trị phạt tối đa không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm (trong trường hợp không xác định được giá trị phần bị vi phạm thì xác định hợp đồng đã ký), cụ thể:</p> <p>+ Trễ 02 ngày so với tiến độ đăng ký: phạt 1% giá trị hợp đồng/lần vi phạm.</p>

	<p>+ Trễ 04 ngày so với tiến độ đăng ký: phạt 2% giá trị hợp đồng/lần vi phạm.</p> <p>+ Trễ từ 05 ngày trở lên so với tiến độ đăng ký: phạt 4% giá trị hợp đồng/lần vi phạm hoặc đề nhắc nhở từ lần thứ 3 trở lên có thể xem xét chấm dứt hợp đồng.</p> <p>- Phạt do vi phạm về thi công kém chất lượng hoặc bị phản ánh/lập biên bản vi phạm về vệ sinh môi trường (VSMT) hoặc không thực hiện công việc ghi nhật ký, cập nhật hình ảnh thi công lên chương trình giám sát online phân hệ quản lý đầu tư xây dựng chuyên ngành của EVN (IMIS2.0): tỉ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (hoặc giá trị hợp đồng trong trường hợp không xác định được giá trị phần bị vi phạm) đã ký:</p> <p>+ Vi phạm bị lập biên bản hoặc bị nhắc nhở, phản ánh về VSMT lần 1: phạt 2% giá trị hợp đồng/lần vi phạm.</p> <p>+ Vi phạm bị lập biên bản hoặc bị phản ánh về VSMT lần 2: phạt 4% giá trị hợp đồng/lần vi phạm.</p> <p>+ Vi phạm bị lập biên bản hoặc bị phản ánh về VSMT lần 3: phạt 6% giá trị hợp đồng.</p> <p>- Vi phạm về quản lý chất lượng công trình, cập nhật nhật ký thi công, hình ảnh thi công lên chương trình giám sát online, mức phạt như sau:</p> <p>+ Vi phạm lần 1: phạt 1% giá trị hợp đồng/lần vi phạm.</p> <p>+ Vi phạm lần 2: phạt 2% giá trị hợp đồng/lần vi phạm.</p> <p>+ Vi phạm lần thứ 3 trở lên: phạt 4% giá trị hợp đồng/lần vi phạm. Vi phạm từ 3 lần trở lên có thể xem xét chấm dứt hợp đồng.</p> <p>Ngoài các nội dung nêu trên, việc nhà thầu bị cơ quan có thẩm quyền lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính mà có liên quan đến công việc của gói thầu thì Chủ đầu tư có quyền xem xét xử phạt vi phạm hợp đồng áp dụng mức phù hợp với lỗi nhà thầu vi phạm và áp dụng quy định về thưởng, phạt vi phạm hợp đồng theo Nguyên tắc phạt và mức phạt áp dụng theo Điều 9, Quyết định số 4220/QĐ-EVNHCMC ngày 30/9/2024 của Tổng công ty Điện lực TP.HCM về việc hướng dẫn thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại đối với hợp đồng xây dựng. Đề nghị nêu chi tiết Điều 9, Quyết định số 4220/QĐ-EVNHCMC trong E-ĐKC 49.1 hoặc file Điều kiện cụ thể đính kèm.</p>
E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại:

	<p>Mức đền bù = chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng + chi phí thực tế thiệt hại xảy ra hoặc do chậm đưa công trình vào sử dụng.</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng bao gồm: chi phí khắc phục tất cả các hư hỏng, sự cố do bên nhận thầu gây ra như: mua sắm lại VTTB, khắc phục công trình lân cận bị hư hỏng, thiệt hại về tài sản, vật chất, tính mạng,do đơn vị thiết kế, thi công, giám sát hoặc cung cấp hàng hóa gây ra (thiết kế sai quy chuẩn, tiêu chuẩn, lựa chọn vị trí, địa điểm không phù hợp dẫn đến thi công xong phải đập bỏ, thi công sai thiết kế, thi công không đảm bảo an toàn gây sự cố ...). Trường hợp bên nhận tự khắc phục thì không phải bồi thường chi phí này. - Chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng bao gồm: chi phí trả lãi vay trong thời gian công trình chậm đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 49.3	<p>Thưởng hợp đồng: áp dụng (nếu đủ điều kiện)</p> <p>Chủ đầu tư khen thưởng bằng thư khen kèm tiền thưởng trên cơ sở nhà thầu thi công đẩy nhanh vượt tiến độ hoặc nhà thầu đề xuất thực hiện giải pháp, sáng kiến áp dụng có hiệu quả trong quá trình thực hiện hợp đồng.</p>
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	<p>Thời gian bàn giao công trình: là ngày tổ chức nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng công trình (và công trình không còn tồn tại mà nhà thầu phải khắc phục).</p>
E-ĐKC 55.1	<p>Thời gian nộp bản vẽ, hồ sơ hoàn công: không quá 10 ngày kể từ ngày tổ chức nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng công trình.</p>
E-ĐKC 55.2	<p>Số tiền giữ lại: Nhà thầu phải thực hiện nghĩa vụ Bảo lãnh bảo hành bằng 5% giá trị thực hiện hợp đồng bằng một trong những biện pháp phù hợp quy định pháp luật về đấu thầu, với thời gian bảo hành công trình xây dựng là 36 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, toàn bộ công trình.</p>

E-ĐKC 56.1(a)

- Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong không quá: 30 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.

- Nhà thầu phải nộp Bản vẽ hoàn công có tọa độ VN2000 công trình trong không quá: 15 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ đưa công trình vào sử dụng.